



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025;
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA
THIÊN HUẾ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025;
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA
THIÊN HUẾ NĂM 2023**

**Cơ quan phê duyệt
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Chủ đầu tư và cơ quan thẩm định
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Cơ quan thực hiện
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
PHẦN I: MỞ ĐẦU	1
1. Sự cần thiết xây dựng điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025	1
2. Các căn cứ điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở.....	1
3. Mục tiêu.....	4
PHẦN II: CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH	5
CHƯƠNG I: ĐÁNH GIÁ CÁC KẾT QUẢ, TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ CỦA NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	5
1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2021-2025 và năm 2022:	5
1.1. Nhà ở của người có công với cách mạng	5
1.2. Nhà ở của hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và đô thị.....	5
1.3. Nhà ở cho người thu nhập thấp	6
1.4. Nhà ở của người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp.....	6
1.5. Nhà ở công vụ.....	6
1.6. Thực trạng nhà ở thương mại	6
1.7. Nhà ở phục vụ tái định cư	7
1.8. Thực trạng nhà ở dân tư xây.....	7
2. Tồn tại, hạn chế của nội dung cần điều chỉnh.....	8
3. Một số tồn tại, khó khăn trong công tác phát triển nhà ở	9
CHƯƠNG II: CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2023	11
1. Điều chỉnh chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người tại đô thị, nông thôn và trên toàn tỉnh.....	11
2. Điều chỉnh vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, số lượng nhà ở, tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở cần đầu tư xây dựng	11

3. Tỷ lệ các loại nhà ở (nhà riêng lẻ, chung cư) cần đầu tư xây dựng; số lượng nhà ở, tổng số diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội cần đầu tư xây dựng	14
4. Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở	14
5. Xác định nguồn vốn huy động cho phát triển các loại nhà ở.....	16
CHƯƠNG III: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH	20
1. Giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất.....	20
2. Giải pháp nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án.....	20
3. Giải pháp phát triển thị trường bất động sản.....	20
4. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư	21
Chương IV.....	24
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	24
1. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành.....	24
2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế	27
3. Trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án phát triển nhà ở	28
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	29
PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023.....	30
PHỤ LỤC 02: DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG DỰ ÁN NHÀ Ở ĐỂ PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ VÀO VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023	44
PHỤ LỤC 03: DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN HOẶC HỦY BỎ DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023	46

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2021-2022	7
Bảng 2. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu hằng năm	11
Bảng 3. Chỉ tiêu về chất lượng nhà ở toàn tỉnh.....	11
Bảng 4. Số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng giai đoạn 2021- 2025	12
Bảng 5. Số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng trong năm 2023	13
Bảng 6. Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở giai đoạn 2021 - 2025	15
Bảng 8. Diện tích đất xây dựng các loại nhà ở năm 2023	16
Bảng 9. Nguồn vốn xây dựng các loại nhà ở giai đoạn 2021 – 2025	17
Bảng 11. Nguồn vốn xây dựng các loại nhà ở năm 2023	18

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
BĐS	Bất động sản
DA	Dự án
DTBQ	Diện tích bình quân
GPMB	Giải phóng mặt bằng
TĐC	Tái định cư
TP	Thành phố
TX	Thị xã
KCN	Khu công nghiệp
KKT	Khu kinh tế
KĐT	Khu đô thị
QHCT	Quy hoạch chi tiết
QH	Quy hoạch
UBND	Ủy ban nhân dân
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KTX	Ký túc xá
KHPTNO	Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết xây dựng điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025

- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Luật Nhà ở 2014 có quy định các hành vi bị nghiêm cấm: “3. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở không theo quy hoạch xây dựng, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt*”; theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, Luật Nhà ở 2014 yêu cầu đối với phát triển nhà ở: “*Phù hợp với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và có trong chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương trong từng giai đoạn*”; vì vậy các dự án do các địa phương đề xuất bổ sung kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030 phải có trong Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

- Theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Nhà ở có quy định: “*Trên cơ sở nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt, Sở Xây dựng tổ chức xây dựng hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn để xây dựng nội dung điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt*”; hiện nay điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được phê duyệt, vì vậy việc điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt là phù hợp.

Với các lý do, căn cứ pháp lý nêu trên, việc tổ chức điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 là hết sức cần thiết và cấp bách, để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về nhà ở, đô thị và xây dựng cũng như các quy hoạch, chỉ tiêu của tỉnh trong giai đoạn tới.

2. Các căn cứ điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở

2.1. Các căn cứ pháp lý áp dụng tại Trung ương

Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Thông tư số 07/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 và Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội;

Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

2.2. Các căn cứ pháp lý áp dụng tại địa phương

Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 22/10/2019 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (khóa XV);

Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phát sinh sau ngày 31/5/2017 (giai đoạn 3);

Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề cương điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề cương điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Căn cứ theo các Quyết định theo Quy hoạch tại địa phương.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nhà ở tại điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt, tạo điều kiện để các ngành, các cấp phối hợp triển khai thực hiện tốt việc phát triển nhà ở bền vững trong thời gian tới.

- Xác định bổ sung các vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng, quy mô dự án phát triển nhà ở; xác định được tỷ lệ, số lượng, diện tích các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng, trong đó có nhà ở để cho thuê tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.

- Xác định bổ sung quy mô dự án phát triển nhà ở bao gồm số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở hàng năm trong giai đoạn triển khai Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 và năm 2023.

PHẦN II: CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

CHƯƠNG I: ĐÁNH GIÁ CÁC KẾT QUẢ, TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ CỦA NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2021-2025 và năm 2022:

1.1. Nhà ở của người có công với cách mạng

Thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, theo Đề án tỉnh Thừa Thiên Huế có 5.264 hộ, tính đến hết ngày 31/12/2019, đã có 4.839 hộ (trong đó: 1.036 hộ xây mới, 3.803 hộ sửa chữa) hoàn thành xây dựng nhà ở, còn 425 hộ loại ra khỏi Đề án do nhiều nguyên nhân như: hộ đơn thân đã chết, hộ không đủ khả năng bù thêm kinh phí để thực hiện, nhiều hộ đã được các cá nhân đoàn thể tổ chức khác hỗ trợ, hộ không đủ điều kiện... Trong giai đoạn 2021-2025 có 49 hộ cải tạo xây mới nhà ở.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Đề án hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phát sinh sau ngày 31/5/2017 (giai đoạn 3); với tổng số hộ thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 1.590 hộ; trong đó năm 2022: 642 hộ.

Về chất lượng nhà ở sau khi được hỗ trợ, các hộ xây dựng nhà mới hoặc cải tạo sửa chữa đều đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng (mái cứng, tường cứng, nền cứng). Đối với những hộ ở tại khu vực thường xuyên bị ngập lụt có mức cao từ 1,5 m trở lên tính từ nền nhà, cấp xã vận động xây dựng diện tích sàn tránh lũ tối thiểu là 10 m².

1.2. Nhà ở của hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và đô thị

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều theo địa giới hành chính năm 2022 của Sở lao động thương binh và xã hội, toàn tỉnh hiện có 16.006 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 4,93%) và 12.803 hộ cận nghèo (tỷ lệ 3,94%).

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 90/QĐ-TTG ngày 18/01/2022 của TTCP phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; với tổng số hộ thuộc diện hỗ trợ là 2.184 hộ; với tổng số kinh phí là 114.210 triệu đồng; trong đó năm 2022 hỗ trợ 437 hộ.

Tỉnh cũng đã có các chính sách hỗ trợ đời sống nhằm giúp người nghèo có khả năng tích lũy vốn mua nhà (như: Hỗ trợ học nghề miễn phí, người lao động

nghèo còn được phổ biến kiến thức về khoa học kỹ thuật, tư vấn pháp luật, quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, kinh doanh).

1.3. Nhà ở cho người thu nhập thấp

Trong giai đoạn 2021-2022 có 02 dự án chung cư nhà ở xã hội đã được chấp thuận đầu tư giai đoạn 2020-2021; với diện tích đất là 110.847 m², tổng số căn hộ khoảng 3.100 căn, tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 384.720 m². Hiện nay đang triển khai các thủ tục liên quan đến xây dựng cơ bản và giao đất.

Đối với nhà ở xã hội thuộc quỹ đất 20% dự án nhà ở thương mại, khu đô thị tại đô thị loại 3 trở lên: Trong giai đoạn 2021-2022 có 02 dự án có quy mô trên 10ha phải bố trí quỹ đất 20% nhà ở xã hội; với diện tích đất dự án: 689.200 m²; diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội: 49.512 m²; tương ứng số căn hộ khoảng 2.100 căn; tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 162.000 m². Hiện nay đang triển khai các thủ tục liên quan đến xây dựng cơ bản và giao đất.

Trong giai đoạn 2021-2022 và năm 2022: 0 m² sàn xây dựng hoàn thành.

1.4. Nhà ở của người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp

Trong giai đoạn 2021-2022 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không có dự án nhà ở của người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp được triển khai.

1.5. Nhà ở công vụ

Trong giai đoạn 2021-2022 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không có dự án nhà ở công vụ được triển khai.

1.6. Thực trạng nhà ở thương mại

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 09 dự án nhà ở thương mại, khu đô thị đã và đang đầu tư xây dựng nhà ở thương mại (giai đoạn 2010-2020), chủ yếu tập trung tại thành phố Huế và thị xã Hương Trà; với số căn hộ khoảng 12.866 căn hộ, tương ứng với 2.600.000 m² diện tích sàn; trong số đó nhà chung cư có 7.900 căn hộ, 1.100.000 m² diện tích sàn. Giai đoạn 2021-2022 đã triển khai xây dựng hoàn thành tăng thêm khoảng 455.500 m² sàn.

Đối với các dự án đã kêu gọi giai đoạn 2021-2022 và hiện nay đang triển khai, có 10 dự án nhà ở thương mại, khu đô thị đang triển khai, tập trung chủ yếu tại thành phố Huế, thị xã Hương Trà; với số căn hộ khoảng 5.600 căn hộ, tương ứng với 1.309.000 m² diện tích sàn; đến nay đã triển khai xây dựng khoảng 100.100 m² sàn.

1.7. Nhà ở phục vụ tái định cư

Giai đoạn 2021-2022, tỉnh đã triển khai khoảng 07 dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư các dự án trên địa bàn tỉnh, với tổng diện tích sàn khoảng 245.400 m² sàn; tuy nhiên có khoảng 30% số hộ dân xây dựng nhà ở, tương ứng với tổng diện tích sàn khoảng 73.620 m² sàn.

1.8. Thực trạng nhà ở dân tư xây

Theo số liệu rà soát, báo cáo của các địa phương, các hộ gia đình, cá nhân đã xin cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2022 khoảng 4.200-4.500 giấy phép/năm. Ngoài ra các hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống tại khu vực nông thôn đã xây dựng nhà ở và được miễn cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh với khoảng 1.000-1.200 nhà ở/năm; tương ứng phát triển khoảng 820.000-900.000m² sàn.

Tỷ lệ hoàn thành so với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030; trong 02 năm 2021 và năm 2022 thực hiện đạt 18,6% so với chỉ tiêu phát triển nhà ở theo chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

Bảng 1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2021-2025

Stt	Đối tượng	Chỉ tiêu phát triển nhà ở theo chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 (m ² sàn)	Kết quả thực hiện đến năm 2022 (m ² sàn)	Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
I	Nhà ở xã hội	659.527	115.704	17,54%	
1	Người có công cách mạng	114.750	89.040	77,59%	
2	Hộ nghèo và cận nghèo khu vực nông thôn	27.360	10.900	39,84%	
3	Người thu nhập thấp khu vực đô thị	135.520	0	0,00%	
4	Hộ gia đình chịu ảnh hưởng thiên tai, biến đổi khí hậu	135.540	15.000	11,07%	
5	Người lao động tại các khu công nghiệp	19.512	0	0,00%	
6	Cán bộ, công chức, viên chức	103.185	0	0,00%	
7	Sinh viên, học sinh	30.000	0	0,00%	
8	Cán bộ, công nhân viên chức thuộc đơn vị lực lượng vũ trang	93.660	0	0,00%	
II	Nhà ở công vụ	2.925	0	0,00%	
III	Nhà ở thương mại	3.269.034	555.600	17,00%	
IV	Nhà ở để phục vụ tái định cư	120.540	73.620	61%	
V	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân	4.510.104	850.000	36%	
	Tổng cộng	8.562.130	1.593.704	18,60%	

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2022 thì các chỉ tiêu phát triển nhà ở chưa đạt so với chỉ tiêu phát triển nhà ở thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 đã được phê duyệt; do đó việc điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 và đảm bảo mục tiêu, kế hoạch đề ra là phù hợp.

2. Tồn tại, hạn chế của nội dung cần điều chỉnh

Do Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 được xây dựng và phê duyệt trước thời điểm ban hành Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; vì vậy một số mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở, một số giải pháp cần được bổ sung, điều chỉnh để đảm bảo sự phù hợp với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được phê duyệt.

Do Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 được xây dựng và phê duyệt trước thời điểm Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030; Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ mới thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập; vì vậy một số chỉ tiêu chưa phù hợp cần phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chung tỉnh giai đoạn 2021-2030 và điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được phê duyệt.

Do tại thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, một số quỹ đất theo quy hoạch chưa xác định được quỹ đất ở nên chưa thể cập nhật đề xuất bổ sung quỹ đất, dự án vào kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; trong giai đoạn 2021-2022 các địa phương đã tiến hành lập quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết và đã tiếp tục đề xuất bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

Một số dự án tại danh mục dự án thuộc kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 do các địa phương đã đề xuất tạm tính trên quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới...nên chưa có đủ số liệu để tính toán quy mô đất xây dựng, số căn hộ, diện tích sàn sử dụng, tổng mức đầu tư; đến nay các địa phương đã được phê duyệt quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết hoặc một số dự án đang làm quyết định chủ trương đầu tư hoặc một số dự án đã lựa chọn nhà đầu tư; vì vậy một số thông tin dự án như tên gọi, quy mô, tổng

mức đầu tư dự án có thay đổi so với tên gọi, quy mô, tổng mức đầu tư dự án tại danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Một số tồn tại, khó khăn trong công tác phát triển nhà ở

- Hệ thống cơ chế, chính sách phát triển và quản lý nhà ở nói chung và nhà ở xã hội nói riêng vẫn còn thiếu đồng bộ, thiếu tính ổn định, chưa có sự thống nhất gây khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành tăng thủ tục hành chính.

- Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, một số cấp chính quyền cơ sở chưa có kế hoạch, giải pháp cụ thể để triển khai chương trình một cách có hiệu quả; thiếu kiểm tra, giám sát, thống kê việc xây dựng nhà ở của người dân tại địa phương.

- Trong giai đoạn 2021-2022, một số chỉ tiêu về nhà ở theo chương trình vẫn chưa được hoàn thành do vướng mắc về pháp lý, thủ tục kêu gọi đầu tư, thủ tục giao đất.

- Trình tự thủ tục về lựa chọn chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở, chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới còn nhiều bất cập, chồng chéo, mất nhiều thời gian chưa có sự thống nhất giữa quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án khu đô thị giữa Luật Nhà ở, Luật Đầu tư, Luật Đất đai mới dẫn đến nhiều dự án nhà ở, đô thị chậm tiến độ hoặc phải hủy kết quả sơ tuyển hoặc lựa chọn nhà đầu tư ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ kêu gọi đầu tư các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Việc phát triển các dự án nhà ở xã hội đặc biệt nhà ở công nhân chưa đáp ứng được nhu cầu cho người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh do chính sách ưu đãi nhà đầu tư chưa được quan tâm và do đối tượng của dự án là công nhân lao động tại khu công nghiệp, với hình thức cho thuê nên rất khó khả thi khi triển khai dự án. Thủ tục, quy trình lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội phục vụ công nhân khu công nghiệp còn phức tạp, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp không được chỉ định trực tiếp làm chủ đầu tư dự án nhà ở công nhân, việc lựa chọn chủ đầu tư vẫn phải thực hiện theo quy trình của Luật Đấu thầu dẫn đến kéo dài thời gian và chi phí cho nhà đầu tư.

- Công tác quản lý đất đai còn vướng mắc trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng của các dự án còn gặp nhiều khó khăn, nên không có mặt bằng để triển khai dự án một cách đầy đủ.

- Về đầu tư Nhà ở xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ yếu từ vốn của doanh nghiệp; do vốn đầu tư bỏ ra lớn, thời gian thu hồi vốn chậm, lợi nhuận không cao; mặt khác gói hỗ trợ lãi suất vay của trung ương chậm triển khai, lượng vốn hỗ trợ cho vay lãi suất thấp thông qua ngân hàng chính sách địa phương thấp.

Do vậy, việc kêu gọi đầu tư phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

**CHƯƠNG II: CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2023**

1. Điều chỉnh chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người tại đô thị, nông thôn và trên toàn tỉnh (Điều chỉnh điểm a, điểm c, Mục 1, Chương II, Báo cáo tổng hợp KHPTNO đã được phê duyệt)

a) Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người tại đô thị, nông thôn

Đến năm 2025: Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 27,0 m² sàn/người (trong đó: Khu vực đô thị đạt 29,0 m² sàn/người; Khu vực nông thôn đạt 25,0 m² sàn/người).

Năm 2023: Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 25,94 m² sàn/người (trong đó: Khu vực đô thị đạt 28,20 m² sàn/người; Khu vực nông thôn đạt 23,0 m² sàn/người).

Cụ thể như bảng sau:

Bảng 2. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu hằng năm

Đơn vị: m² sàn/người

Stt	Khu vực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Đô thị	27,20	27,28	28,20	28,59	29,0
2	Nông thôn	21,5	22,24	23,0	23,74	25,0
Toàn tỉnh		24,73	25,27	25,94	26,65	27,00

b) Chất lượng nhà ở toàn tỉnh: Nhà ở kiên cố toàn tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 98,5 %, trong đó: đô thị đạt 99,4%, tại nông thôn 97,9%.

Bảng 3. Chỉ tiêu về chất lượng nhà ở toàn tỉnh

Đơn vị: %

Stt	Khu vực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Đô thị	99,18	99,24	99,30	99,36	99,40
2	Nông thôn	97,53	97,65	97,71	97,77	97,90
Toàn tỉnh		98,20	98,26	98,34	98,41	98,50

2. Điều chỉnh vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, số lượng nhà ở, tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở cần đầu tư xây dựng (Điều chỉnh Mục 2, Chương II, Báo cáo tổng hợp KHPTNO đã được phê duyệt)

a) Vị trí, khu vực phát triển nhà ở

Qua rà soát, cập nhật một số vị trí dự kiến thu hút đầu tư do UBND cấp huyện đề xuất, nhà đầu tư đăng ký, chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng dự kiến tăng so với chỉ tiêu phát triển nhà ở được tính toán phân bổ. Cho thấy nhu cầu phát triển nhà ở trên địa bàn còn lớn, các nhà đầu tư vẫn đang kỳ vọng vào sự phát triển thị trường nhà ở tại Thừa Thiên Huế. Trong Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm sẽ cân đối, đảm bảo chỉ tiêu phát triển nhà ở đã được phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình triển khai Kế hoạch, có thể bổ sung, điều chỉnh các dự án, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch phát triển nhà ở.

Vị trí, khu vực phát triển nhà ở bao gồm: Vị trí, khu vực của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở dự kiến triển khai kêu gọi đầu tư đề xuất bổ sung vào Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 (chi tiết tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 đính kèm Báo cáo tổng hợp này).

b) Chỉ tiêu về số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng:

- Giai đoạn 2021-2025: số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng giai đoạn 2021- 2025, cụ thể:

Bảng 4. Số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng giai đoạn 2021- 2025

Stt	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021-2025		
		Số lượng dự án dự kiến kêu gọi đầu tư/nhà ở	Diện tích sàn nhà ở hoàn thành (m ² sàn)	Số căn/nhà ở hoàn thành
I	Nhà ở thương mại	45	2.625.866	25.406
II	Nhà ở công vụ	5	2.925	65
III	Nhà ở xã hội	7	381.877	7.978
1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng		135.520	3.872
2	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN		19.512	325
3	Nhà ở xã hội cho sinh viên		30.000	500
4	Nhà ở cho nhóm cán bộ, công chức, viên chức		103.185	1.720
5	Nhà ở cho nhóm lực lượng vũ trang		93.660	1.561
IV	Nhà ở tái định cư	35	120.540	2.009

V	Nhà ở dân tự xây trên đất ở hiện hữu	12.750	1.912.436	12.750
1	Nhà ở người có công với cách mạng	948	114.750	948
2	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	2.184	155.475	2.184
3	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	350	135.540	350
4	Nhà ở do người dân tự xây dựng	9.268	1.506.671	9.268
Tổng			5.043.643	48.208

Năm 2023: số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng trong năm 2023, cụ thể:

Bảng 5. Số lượng dự án, số lượng nhà ở đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng trong năm 2023

Stt	Loại nhà ở	Kế hoạch năm 2023		
		Số lượng dự án dự kiến kêu gọi đầu tư/nhà ở	Diện tích sàn nhà ở hoàn thành (m ² sàn)	Số căn/nhà ở hoàn thành
I	Nhà ở thương mại	17	650.000	4.300
II	Nhà ở công vụ	2	753	16
III	Nhà ở xã hội	4	24.500	350
1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng		24.500	350
IV	Nhà ở tái định cư	15	34.720	579
V	Nhà ở dân tự xây trên đất ở hiện hữu	4.500	473.700	4.500
1	Nhà ở người có công với cách mạng	490	49.000	490
2	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	980	68.600	980
3	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	150	10.500	150
4	Nhà ở do người dân tự xây dựng	2.880	345.600	2.880
Tổng			1.183.673	9.745

3. Tỷ lệ các loại nhà ở (nhà riêng lẻ, chung cư) cần đầu tư xây dựng; số lượng nhà ở, tổng số diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội cần đầu tư xây dựng (Điều chỉnh Mục 3, Chương II, Báo cáo tổng hợp KHPTNO đã được phê duyệt)

- Tỷ lệ nhà ở cần đầu tư xây dựng phần đầu đạt trên 10% so với tổng diện tích phát triển nhà ở của dự án: Hiện nay tỉnh Thừa Thiên Huế chưa có chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Quỹ căn hộ dự án nhà ở xã hội cho thuê đã hoàn thành tính đến nay có 220 căn hộ; trong giai đoạn 2021-2025; tổng số căn hộ đối với dự án nhà ở xã hội độc lập phát triển thêm khoảng 8.200 căn hộ, tương ứng căn hộ cho thuê khoảng 1.640 căn hộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu quỹ nhà ở cho thuê giai đoạn 2021-2025.

Bảng 5. Tỷ lệ nhà ở chung cư

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích sàn nhà ở (m ² sàn)	Chung cư		Nhà ở riêng lẻ	
			Diện tích (m ² sàn)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ² sàn)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà ở thương mại	2.625.866	288.845	11%	2.337.020	89%
2	Nhà ở xã hội	381.877	324.595	85%	57.281	15%
3	Nhà ở công vụ	2.925	-	-	2.925	100%
4	Nhà ở tái định cư	120.540	-	-	120.540	100%
5	Nhà ở dân tự xây	1.912.436	-	-	1.912.436	100%
Tổng cộng		5.043.643	613.440	12,2%	4.431.203	87,8%

- Tổng số căn hộ đối với quỹ đất 20% đầu tư nhà ở xã hội từ nhà ở thương mại, khu đô thị mới phát triển thêm khoảng 43.000 căn hộ, tương ứng căn hộ cho thuê khoảng 8.600 căn hộ; cơ bản đáp ứng nhu cầu thuê nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở (Điều chỉnh Mục 4, Chương II, Báo cáo tổng hợp KHPTNO đã được phê duyệt)

a) Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở giai đoạn 2021 - 2025

- Giai đoạn 2021-2025: Cùng với các dự án khu đô thị đang triển khai xây dựng, tiếp tục kêu gọi và chấp thuận đầu tư các dự án nhà ở theo các khu vực đã được quy hoạch để phát triển nhà ở.

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, trong đó đặc biệt quan tâm tới quỹ đất bố trí tái định cư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

- Khuyến khích các chủ đầu tư bỏ vốn để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và được phép khai thác quỹ đất để xây dựng nhà ở, công trình hạ tầng xã hội.

- Thực hiện xây dựng, rà soát quy hoạch sử dụng đất trong đó chú trọng đến diện tích đất phát triển nhà ở; đối với khu vực nội đô có mật độ dân cư lớn ưu tiên dành quỹ đất thực hiện việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để đáp ứng yêu cầu cho các đối tượng được hỗ trợ nhà ở xã hội.

- Diện tích đất xây dựng các loại nhà ở là 2.802,04 ha, bao gồm:

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại là 1.458,81 ha;

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội là 212,16 ha;

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở công vụ là 1,63 ha;

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở tái định cư là 66,97 ha;

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là 1.062,47 ha.

Bảng 6. Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở giai đoạn 2021 - 2025

Stt	Loại hình sử dụng đất	Diện tích sàn (m ²)	Tổng diện tích đất (ha)
1	Đất xây dựng nhà ở thương mại	2.625.866	1.458,81
2	Đất xây dựng nhà ở xã hội	381.877	212,16
3	Đất xây dựng nhà ở công vụ	2.925	1,63
4	Đất xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư	120.540	66,97
5	Đất xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	1.912.436	1.062,47
Toàn tỉnh		5.043.643	2.802,04

b) Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở năm 2023

- Năm 2023: Cùng với các dự án khu đô thị đang triển khai xây dựng, tiếp tục kêu gọi và chấp thuận đầu tư các dự án nhà ở theo các khu vực đã được quy hoạch để phát triển nhà ở.

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, trong đó đặc biệt quan tâm tới quỹ đất bố trí tái định cư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

- Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở năm 2023 là 349,64 ha, bao gồm:

+ Diện tích đất để xây dựng nhà ở thương mại là 170,81 ha;

+ Diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội là 45,04 ha;

+ Diện tích đất để xây dựng nhà ở công vụ là 0,20 ha;

- + Diện tích đất để xây dựng nhà ở tái định cư là 9,12 ha;
- + Diện tích đất để xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là 124,48 ha.

Bảng 7. Diện tích đất xây dựng các loại nhà ở năm 2023

Stt	Loại hình sử dụng đất	Diện tích sàn (m ²)	Tổng diện tích đất (ha)
1	Đất xây dựng nhà ở thương mại	650.000	170,81
2	Đất xây dựng nhà ở xã hội	24.500	45,04
3	Đất xây dựng nhà ở công vụ	753	0,20
4	Đất xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư	34.720	9,12
5	Đất xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	473.700	124,48
Toàn tỉnh		1.183.673	349,64

5. Xác định nguồn vốn huy động cho phát triển các loại nhà ở (Điều chỉnh Mục 5, Chương II, Báo cáo tổng hợp KHPTNO đã được phê duyệt)

a) Nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ suất vốn đầu tư nhà ở và diện tích tăng thêm của các loại nhà ở, dự báo nhu cầu nguồn vốn đầu tư nhà ở toàn tỉnh qua các giai đoạn như sau:

Tổng nguồn vốn để thực hiện xây dựng các loại nhà ở là 41.705,43 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn xây dựng nhà ở thương mại là 22.714,75 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở công vụ là 20,49 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở xã hội là 2.675,48 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư là 966,15 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở dân tự xây là 15.328,56 tỷ đồng.

Dự kiến có các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng,...; Nhà ở riêng lẻ tự xây của các hộ gia đình bằng nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình; Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chủ yếu từ nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng ưu đãi, Ngân hàng chính sách xã hội, v.v... và một phần từ Ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

Bảng 8. Nguồn vốn xây dựng các loại nhà ở giai đoạn 2021 – 2025

Stt	Loại hình nhà ở	Cơ cấu nguồn vốn đến năm 2025			
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác
I	Nhà thương mại	22.714,75	-	-	22.714,75
II	Nhà ở xã hội	2.675,48	-	131,29	2.544,18
2.1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng thu nhập thấp	949,47	-	-	949,47
2.2	Nhà ở xã hội cho sinh viên	210,18	-	16,81	193,37
2.3	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	136,70	-	10,94	125,77
2.4	Nhà ở xã hội cho nhóm cán bộ, công chức, viên chức	722,93	-	14,46	708,47
2.5	Nhà ở cho nhóm lực lượng vũ trang	656,19	-	13,12	643,07
III	Nhà ở công vụ	20,49	-	20,49	-
IV	Nhà ở tái định cư	966,15	-	96,62	869,54
V	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	15.328,56	44,50	6,86	15.277,19
5.1	Nhà ở người có công với cách mạng	53,70	30,68	3,95	19,07
5.2	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	621,90	13,82	1,38	606,70
5.3	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	45,18	-	1,53	43,65
5.4	Nhà ở do người dân tự xây dựng	14.607,78	-	-	14.607,78
Tổng cộng		41.705,43	44,50	255,26	41.405,67

b) Nguồn vốn giai đoạn 2023

Tổng nguồn vốn để thực hiện xây dựng các loại nhà ở là 9.874,77 tỷ đồng.
Trong đó:

- Vốn xây dựng nhà ở thương mại là 5.623 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở công vụ là 5,28 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở xã hội là 171,65 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở tái định cư là 278,29 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở dân tự xây là 3.796,81 tỷ đồng.

Bảng 9. Nguồn vốn xây dựng các loại nhà ở năm 2023

Stt	Loại hình nhà ở	Cơ cấu nguồn vốn đến năm 2023			
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác
I	Nhà thương mại	5.623,0	-	-	5.623
II	Nhà ở xã hội	171,65	-	-	171,65
2.1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng	171,65	-	-	171,65
2.2	Nhà ở xã hội cho sinh viên	-	-	-	-
2.3	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	-	-	-	-
2.4	Nhà ở xã hội cho nhóm cán bộ, công chức, viên chức	-	-	-	-
2.5	Nhà ở cho nhóm lực lượng vũ trang	-	-	-	-
III	Nhà ở công vụ	5,28	-	5,28	-
IV	Nhà ở tái định cư	278,29	-	66,59	211,70
V	Nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng	3.796,81	131,90	17,85	3.647,05
5.1	Nhà ở người có công với cách mạng	196,00	112,00	14,41	69,60
5.2	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	274,40	17,26	2,99	254,15
5.3	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị	42,00	2,64	0,46	38,90

Stt	Loại hình nhà ở	Cơ cấu nguồn vốn đến năm 2023			
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác
	ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu				
5.4	Nhà ở do người dân tự xây dựng	3.284,40			3.284,40
	Tổng cộng	9.874,77	229,98	102,33	9.542,46

CHƯƠNG III: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

Trên cơ sở các nhóm 5 giải pháp: về chính sách đất đai, về quy hoạch kiến trúc, về vốn cho phát triển nhà ở, về cải cách thủ tục hành chính, về quản lý nhà ở sau đầu tư xây dựng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; nội dung tại Chương III này sẽ bổ sung một số giải pháp để triển khai cụ thể hóa mục tiêu và để phù hợp với điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

1. Giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất

- Trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch khu công nghiệp phải bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt nhằm đáp ứng phát triển các dự án đô thị, dự án phát triển nhà ở, dự án phát triển nhà xã hội, nhà công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư...

- Trong quá trình lập quy hoạch đô thị, thực hiện điều chỉnh, quy hoạch lại, tái thiết các khu dân cư hiện hữu theo hướng giảm mật độ tập trung dân cư kết hợp mô hình nhà ở cao tầng hiện đại, đảm bảo đồng bộ hạ tầng, hoặc có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu dân cư hiện hữu.

- Tập trung phủ kín quy hoạch chi tiết trên cơ sở quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn mới; thường xuyên rà soát các quy hoạch được phê duyệt nhưng thời gian thực hiện kéo dài, thiếu khả thi để điều chỉnh hoặc xóa bỏ.

2. Giải pháp nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án

- Nâng cao năng lực của chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thông qua bổ sung quy định về các điều kiện cần đáp ứng của nhà đầu tư bảo đảm chủ đầu tư phải có đủ chức năng, năng lực, kinh nghiệm thực hiện các dự án nhà ở, ưu tiên chủ đầu tư có phương án được đánh giá cao về giải pháp quy hoạch, kiến trúc, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tiến độ thực hiện dự án, đưa công trình vào sử dụng, giải pháp quản lý vận hành.

- Tăng cường hiệu quả và tính công khai, minh bạch trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo đó chủ yếu thực hiện thông qua phương thức đấu giá, đấu thầu cho các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở, phát triển nhà ở xã hội, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư.

- Tăng cường giám sát, áp dụng các chế tài để đảm bảo chủ đầu tư thực hiện đúng những cam kết, nghĩa vụ, nội dung được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tăng cường thực hiện quản lý sau đầu tư xây dựng nhà ở, ban hành các quy chế để quản lý cũng như quy định về việc bàn giao, tiếp nhận, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong dự án phát triển nhà ở.

3. Giải pháp phát triển thị trường bất động sản

- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản trong đó có hoạt động giao dịch kinh doanh nhà ở; góp phần quản lý thông tin giao dịch bất động sản, tăng tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người dân khi kinh doanh bất động sản thông qua các sàn giao dịch bất động sản theo hướng: khuyến khích việc giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn để công khai, minh bạch; các nhà ở, bất động sản có sẵn, đã được cấp giấy chứng nhận không bắt buộc thực hiện giao dịch qua sàn.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động môi giới bất động sản trong đó có hoạt động môi giới kinh doanh nhà ở của các tổ chức, cá nhân theo hướng: nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đối với cá nhân hành nghề môi giới bất động sản; các cá nhân hành nghề môi giới bất động sản đăng ký, tham gia hoạt động để có tổ chức quản lý (hoạt động theo doanh nghiệp, văn phòng, hội...).

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và nhà ở; hoàn thiện việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản để đảm bảo tính công khai, minh bạch; nâng cao hiệu quả của các hoạt động kiểm tra, xử lý, ngăn chặn sai phạm trong kinh doanh nhà ở và bất động sản.

4. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quy trình đầu tư phát triển nhà ở từ bước lựa chọn chủ đầu tư, giao đất, đầu tư xây dựng dự án, cấp giấy chứng nhận sở hữu... Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thực hiện chuyển đổi số các thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng nhà ở hộ gia đình, riêng lẻ nhằm tăng cường sự tham gia người dân. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, thực hiện cải cách hành chính tại các địa phương.

5. Giải pháp khác:

a) Phát triển nhà ở thương mại

- Phát triển nhà ở thương mại theo dự án, gắn với phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, khuyến khích đầu tư phát triển nhà ở chung cư cao tầng hiện đại, thân thiện với môi trường, phát thải thấp góp phần nâng cao chất lượng nhà ở, đảm bảo kết nối và đồng bộ hệ thống hạ tầng.

- Phát triển đa dạng loại hình sản phẩm nhà ở cho thuê, cho thuê mua, để bán, có cơ cấu sản phẩm nhà ở phù hợp trong đó tăng tỷ trọng nhà ở thương mại có diện tích trung bình và giá cả hợp lý thông qua thị trường bất động sản nhà ở và các chính sách khuyến khích của Nhà nước.

b) Phát triển nhà ở xã hội

- Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của các đối tượng chính sách có khó khăn về nhà ở như người thu nhập thấp đô thị, công nhân khu công nghiệp, cán bộ công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân thông qua điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm tăng nguồn cung kết hợp hỗ trợ khả năng thanh toán.

- Phát triển nhà ở xã hội theo dự án có vị trí, quy mô gắn với khu vực tập trung nhiều đối tượng có nhu cầu nhà ở xã hội, tại các quỹ đất phát triển nhà ở xã hội được bố trí trong quy hoạch dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở nhằm đảm bảo công bằng và tăng khả năng tiếp cận hạ tầng đồng bộ và các dịch vụ xã hội thiết yếu.

- Đa dạng hóa nguồn cung nhà ở xã hội thông qua việc bổ sung thêm các hình thức phát triển nhà ở xã hội phù hợp với thực tiễn; các cơ chế ưu đãi về đầu tư, đất đai, tài chính, thuế... trong đó tập trung đẩy mạnh khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở để cho thuê.

- Quan tâm giải quyết nhu cầu về chỗ ở cho công nhân gắn với khu vực sản xuất, bảo đảm đáp ứng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa của các khu nhà ở, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất, góp phần an sinh xã hội.

c) Phát triển nhà ở phục vụ tái định cư

- Đa dạng phương thức bố trí tái định cư thông qua việc sử dụng nhà ở thương mại hoặc sử dụng nhà ở xã hội được xây dựng theo dự án, quỹ đất để bố trí tái định cư. Ưu tiên việc bố trí tái định cư tại chỗ, tại khu vực lân cận nhằm góp phần bảo đảm an sinh xã hội cho đối tượng tái định cư.

- Việc phát triển nhà ở phục vụ tái định cư phải đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân tái định cư và doanh nghiệp, việc bố trí nhà ở tái định cư phải bảo đảm đúng đối tượng, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở. Nhà ở tái định cư được xây dựng phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với nhu cầu của người được tái định cư.

d) Hỗ trợ nhà ở theo chương trình mục tiêu

- Đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ có khó khăn về nhà ở, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo mức phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021 - 2030; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, kết hợp chính sách hỗ trợ của Nhà nước với sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân và gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ tham gia đóng góp để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có, đảm bảo nâng cao chất lượng nhà ở.

- Đối với các hộ nghèo tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có khó khăn về nhà ở, hỗ trợ cải thiện nhà ở theo hướng: hỗ trợ từ ngân sách trung ương; tăng mức vay ưu đãi cũng như đề nghị các địa phương hỗ trợ thêm từ các nguồn xã hội hóa và lồng ghép việc hỗ trợ từ các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng chất lượng và tăng diện tích tối thiểu của ngôi nhà được hỗ trợ xây dựng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đối với các hộ có nhà ở trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (bão, lũ, sạt lở đất, ...), hỗ trợ theo hướng cho vay ưu đãi để xây mới, cải tạo, sửa chữa nâng cao chất lượng căn nhà, tăng khả năng chống chịu của nhà ở; đối với một số khu vực nguy hiểm thực hiện hỗ trợ xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại các khu vực an toàn từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Đối với học sinh, sinh viên, phát triển nhà ở cho thuê gắn với việc quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và phù hợp với môi trường học tập.

e) Phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân

- Việc phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn

+ Phải phù hợp quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, bảo đảm vệ sinh môi trường và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực nhà ở. Việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở phải phù hợp với phong tục, tập quán kết hợp với bảo tồn, giữ gìn kiến trúc nhà ở truyền thống của từng vùng, miền.

+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở trong dự án thì phải phù hợp với quy hoạch chi tiết của dự án được duyệt. Đối với khu vực yêu cầu phải có giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế thì việc xây dựng phải tuân thủ giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

+ Trường hợp nhà ở của hộ gia đình, cá nhân nằm trong khu vực cần bảo tồn giá trị nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa, lịch sử thì việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Việc phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại khu vực đô thị

+ Tại khu vực đô thị thì việc phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị. Đối với nhà ở có yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng thì việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở phải tuân thủ đúng nội dung của Giấy phép xây dựng.

+ Việc phát triển nhà ở phải bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng, kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, bảo đảm yêu cầu vệ sinh, môi trường, kiến trúc nhà ở và không làm ảnh hưởng đến công trình liền kề.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tiếp tục triển khai thực hiện trách nhiệm các sở, ban ngành đã được phê duyệt tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; cụ thể:

1. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành

a) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 và giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện đến UBND tỉnh theo định kỳ vào giữa quý IV hàng năm.

- Chủ trì phối hợp các ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm; công bố công khai, minh bạch nhu cầu về quỹ đất để phát triển nhà ở.

- Phối hợp với Sở Nội vụ kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và phát triển nhà ở của Tỉnh và của các UBND cấp huyện đảm bảo điều kiện và năng lực thực hiện trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Phối hợp với các địa phương và Sở Lao động Thương binh & Xã hội, Mặt trận Tổ quốc lập kế hoạch xây dựng nhà ở hàng năm cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, người nghèo.

- Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về nhà ở trên địa bàn Tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu UBND các huyện, thành phố, thị xã và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất các dự án nằm trong danh mục dự kiến hoàn thiện và các dự án đã được quyết định đầu tư.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội thực tế của tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương làm cơ sở chỉ đạo, điều hành và kiểm điểm kết quả thực hiện theo định kỳ trình UBND tỉnh quyết định.

- Lập kế hoạch về vốn, cân đối vốn đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, Nhà ở để phục vụ tái định cư được đầu tư từ vốn ngân sách hàng năm và từng thời kỳ.

- Nghiên cứu các giải pháp khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở theo dự án.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát lại các dự án xây dựng nhà ở đã giao đất các nhà đầu tư và phối hợp với các sở, ban, ngành đề xuất UBND tỉnh thu hồi các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về thủ tục giao đất, cho thuê đất cho các chủ đầu tư để triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trong việc cân đối quỹ đất phát triển nhà ở và chuẩn bị quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở tái định theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt; và cập nhật các dự án phát triển nhà ở vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh.

- Rà soát, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong việc giao đất ở, cho thuê đất.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

d) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh về việc sử dụng hiệu quả nguồn thu tương đương 20% giá trị quỹ đất thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị do nhà đầu tư nộp tiền để phát triển đầu tư xây dựng quỹ nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh kinh phí bố trí hàng năm thực hiện điều tra, thu thập cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; các chương trình, đề án phục vụ công tác quản lý nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách hàng năm để xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, Nhà ở để phục vụ tái định cư được đầu tư từ vốn ngân sách theo kế hoạch trình UBND tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở để phục vụ tái định cư; giá thuê nhà ở công vụ.

e) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, xác định nhu cầu ở của các hộ chính sách, hộ có công, hộ nghèo cần hỗ trợ hàng năm. Đồng thời, phối hợp với Sở Xây dựng trong việc triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách theo quy định.

f) Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở công nhân làm việc tại các Khu kinh tế, công nghiệp trên địa bàn tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nhà ở theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh phân công, ủy quyền.

g) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đơn vị thành viên

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện pháp luật về nhà ở; vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, hỗ trợ các Chương trình xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công cách mạng, người nghèo gặp khó khăn về nhà ở.

h) Liên đoàn Lao động tỉnh

Phối hợp với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

i) Trách nhiệm của Ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế:

Chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn cân đối nguồn vốn, kịp thời đáp ứng các nhu cầu vốn vay để đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội theo quy định. Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền về việc cho hộ nghèo vay vốn làm nhà ở.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế:

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao Động Thương binh và Xã hội tham gia quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, và hộ gia đình người có công với cách mạng.

Thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay và xử lý rủi ro theo quy định hiện hành.

Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

- Tổng hợp báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế và các Sở, ngành liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

k) Các sở, ngành có liên quan

Các Sở, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình phát triển nhà ở tỉnh và các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển nhà ở trên phạm vi địa bàn.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Tổ chức, chỉ đạo triển khai Kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng theo định kỳ vào giữa quý IV hàng năm.

b) Trên cơ sở Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban ngành thực hiện lập, cập nhật kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm đã được phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở trên địa bàn đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng có nhu cầu thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội để thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở các địa phương.

c) Tiếp tục cải cách hành chính, đơn giản thủ tục trong việc cấp phép xây dựng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cung cấp thông tin quy hoạch đối với nhà ở riêng lẻ để người dân thuận lợi trong việc đầu tư xây dựng mới, cải thiện nhà ở theo nhu cầu và khả năng.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên môi trường lập và thực hiện quy hoạch xây dựng các khu nhà ở trên địa bàn, lập kế hoạch phát triển nhà ở đô thị và nông thôn hàng năm.

đ) Chủ trì trong việc giải phóng mặt bằng, quản lý quỹ đất phát triển nhà ở, đặc biệt là quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội; quản lý thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

e) Triển khai, phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông

tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án phát triển nhà ở

a) Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chấp hành đúng các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Đảm bảo nguồn vốn để đầu tư xây dựng dự án đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thực hiện dự án theo đúng tiến độ, kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản, mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan.

d) Báo cáo đầy đủ thông tin về dự án bất động sản theo quy định tại Nghị định 44/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BXD về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

CHƯƠNG V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 được xây dựng dựa trên cơ sở cụ thể hóa các mục tiêu của “điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030”. Bên cạnh đó, nội dung Kế hoạch sẽ làm cơ sở để triển khai các bước đầu tư các dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh; huy động nguồn vốn tham gia phát triển nhà ở, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; xây dựng lộ trình ưu tiên giải quyết nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Trong quá trình triển khai kế hoạch phát triển nhà ở, tùy theo tình hình phát triển nhà ở thực tế của thành phố để có thể điều chỉnh mục tiêu, danh mục dự án phát triển nhà ở cho phù hợp với mục tiêu của Chương trình phát triển nhà ở. Kết quả đạt được cuối cùng trong việc triển khai kế hoạch phát triển nhà ở là căn cứ có tính thực tiễn và đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nhà ở để đưa ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho các giai đoạn tiếp theo.

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
I	THÀNH PHỐ HUẾ												
1	Dự án Tổ hợp nhà ở, thương mại, dịch vụ tại khu đất phía trước nhà thi đấu Bà Triệu	Đang kêu gọi đầu tư	2				0,6	30	9.000	30	9.000	63	2023-2030
2	Dự án nhà ở tại khu vực đối diện trường THCS Chu Văn An, phường Xuân Phú, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	0.6				0,26	50	15.000	50	15.000	105	2023-2030
3	Khu du lịch, đô thị biển Hải Dương, xã Hải Dương, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	35	2	80	10.000	6	300	90.000	380	100.000	700	2023-2030
4	Khu phức hợp đô thị kết hợp khu nghỉ dưỡng Hải Dương, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	60	5	190	24.000	20	800	240.000	990	264.000	1.920	2023-2030
5	Khu đô thị Hương Vinh, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	32	3	105	13.500	9	550	170.000	655	183.500	1.325	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
6	Khu du lịch kết hợp khu dân cư đường Nguyễn Phúc Nguyên-Sư Vạn Hạnh, phường Hương Long, thành phố Huế (khu vực cạnh chù Linh Mục)	Đang kêu gọi đầu tư	16,87				2	288	57.600	288	57.600	403	2023
7	Dự án khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại 106-114 Lê Lợi, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	0,54				0,43	51	10.320	51	10.320	72	2023-2030
8	Dự án khu thương mại dịch vụ kết hợp ở tại 38 Hồ Đắc Di, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	1,46				0,584	70	14.016	70	14.016	98	2023-2030
9	Dự án Nhà ở chính trang đường Cao Bá Quát, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	16 (30 ha)	1,4	450	28.000	6	920	230.400	1.370	258.400	1.809	2023-2030
10	Khu dân cư xen ghép nhà ở kết hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng, phường Hương Long	Đang kêu gọi đầu tư	3,98				1,3	220	57.312	220	57.312	401	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
11	Dự án Khu đô thị sinh thái Rú Chá tại xã Hương Phong, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	250				25	1.800	450.000	1.800	450.000	3.150	2023-2030
12	Khu đô thị cầu Tam Giang	Đang kêu gọi đầu tư	50,4				15,1	1.500	362.400	1.500	362.400	2.200	2023-2030
13	Dự án Khu đô thị, thương mại dịch vụ du lịch kết hợp nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe Mỹ An, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	20				7,5	576	144.000	576	144.000	1.008	2023-2030
14	Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng Phú Thanh, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	200				11	1.350	260.000	1.350	260.000	1.100	2023-2030
15	Dự án khu dân cư tại Thôn Thượng 2, phường Thủy Xuân, thành phố Huế	Đang chuẩn bị kêu gọi đầu tư	19,7				11,8	1.400	283.000	1.400	283.000	1.190	2023-2030
16	Khu phức hợp thương mại dịch vụ kết hợp ở Hùng Vương, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	2,3				0,92	110	22.080	110	22.080	155	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
17	Khu phức hợp Khu đô thị thương mại, dịch vụ thuận An, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	100				24						2023-2030
II	THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ												
18	Khu đô thị mới Trung tâm phường Hương Văn, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	25,00				5,00	417	91.740	417	91.740	642	2023
19	Khu đô thị Bầu Sen, phường Hương Chữ	Đang kêu gọi đầu tư	290,00				58,00	4.833	1.063.260	283	1.063.260	7.443	2023-2030
20	Khu nhà ở, dịch vụ phụ trợ cho cụm công nghiệp tại phường Hương Xuân	Đang kêu gọi đầu tư	28,00				5,60	467	102.740	467	102.740	719	2023-2030
21	Khu đô thị sinh thái Hương Vinh, thành phố Huế và Hương Toàn, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	800,00				80,00	6.667	1.466.740	6.667	1.466.740	10.267	2023-2030
22	Khu đô thị sinh thái tại phường Hương Văn–Hương Xuân, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	31,90				3,19	266	58.520	266	58.520	410	2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
23	Khu đô thị Hương Xuân, thuộc phường Hương Xuân	Đang kêu gọi đầu tư	50,00				10,00	833	183.260	833	183.260	1.283	2023-2030
24	Khu đô thị và dân cư khu vực Hương Toàn	Đang kêu gọi đầu tư	158,00				31,60	2.633	579.260	2.633	579.260	4.055	2023-2030
25	Dự án Khu đô thị tại Hương Toàn-Hương Chữ	Đang kêu gọi đầu tư	98,00				9,80	817	179.740	817	179.740	1.258	2023-2030
26	Khu đô thị Royal Hương Trà, thuộc Hương Toàn	Đang kêu gọi đầu tư	80,00				16,00	1.333	293.260	1.333	293.260	2.053	2023-2030
27	Dự án dọc Quốc lộ 1A tại phường Hương Xuân	Đang kêu gọi đầu tư	30,00				6,00	500	110.000	500	110.000	770	2023
28	Dự án dọc Quốc lộ 1A tại phường Tứ Hạ	Đang kêu gọi đầu tư	22,00				4,40	367	80.740	367	80.740	565	2023-2030
29	Dự án xây dựng Trung tâm dịch vụ thể thao vui chơi giải trí kết hợp ở tại khu hồ nước trung tâm thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	40,00				4,00	333	73.260	333	73.260	513	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
30	Khu đô thị kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái tại xã Hương Thọ, thành phố Huế và xã Bình Thành, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	270				84	4.838	1.209.600	4.838	1.209.600	6.000	2023-2030
III	THỊ XÃ HƯƠNG THỦY												
31	Dự án khu nhà ở và dịch vụ thương mại hỗ trợ cho cụm công nghiệp, phường Thủy Phương	Đang kêu gọi đầu tư	22	2,42	278	15.846	8,36	648	71.280	926	87.126	1.220	2023-2030
32	Khu đô thị sinh thái khu vực xã Thủy Thanh và khu vực lân cận thị xã Hương Thủy, xã, phường: Thủy Thanh, Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu	Đang kêu gọi đầu tư	300	11,7	1.872	140.400	63	2.835	680.400	4.707	820.800	11.491	2023-2030
33	Dự án Khu đô thị Hồ Châu Sơn khu phía Đông (Sinh thái thông minh Hương Thủy)	Đang kêu gọi đầu tư	189	2,57	618	46.314	26,21	1.179	424.602	1.797	470.916	6.593	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
34	Dự án Khu đô thị Hồ Châu Sơn khu phía Tây tại thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	170				64						2023-2030
35	Dự án Khu đô thị sinh thái Thủy Phương tại phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy (tại cánh đồng Thanh Lam)	Đang kêu gọi đầu tư	163				48,9	3.912	1.173.600	3.912	1.173.600	8.215	2023-2030
36	Dự án Khu đô thị Vân Thê, thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	200				60	4.800	1.440.000	4.800	1.440.000	10.080	2023-2030
IV	HUYỆN PHÚ VANG												
37	Khu dân cư và khu du lịch nghỉ dưỡng Phú Diên 1 tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	21,68				3,92	1.100	150.000	1.100	150.000	600	2023-2025
38	Khu dân cư và khu du lịch nghỉ dưỡng Phú Diên 2 tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	38				4,91	315	146.000	315	146.000	1.100	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
39	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Vinh An tại xã Vinh Thanh và xã Vinh An, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	200	4	700	84.000	21	1.275	412.000	1.975	496.000	3.000	2023-2030
40	Khu dân cư xã Phú Hồ 1 tại xã Phú Hồ, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	321				73	4.000	2.295.991	4.000	2.295.991	15.000	2023-2030
41	Khu dân cư xã Phú Hồ 2 tại xã Phú Hồ, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	300				73	4.000	2.295.991	4.000	2.295.991	15.000	2023-2030
42	Dự án Khu đô thị xã Phú Dương, Phú Mỹ thuộc Khu C – Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	160	1,2	896	103.040	28,02	1.456	835.741	1.456	835.741	5.850	2023-2030
43	Khu dân cư mới xã Phú Mỹ tại xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	40				8	640	192.000	640	192.000	1.344	2023-2030
44	Khu đô thị Phú Mỹ tại xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	33,6				13,44	1.075	322.560	1.075	322.560	2.258	2023-2030
45	Khu đô thị sinh thái thuộc Khu E – Khu đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	102				25	2.000	800.000	2.000	800.000	5.025	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
46	Khu đô thị mới Triều Thủy, xã Phú An, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	42				4	320	128.000	320	128.000	876	2023-2030
47	Khu du lịch nghỉ dưỡng và nhà ở sinh thái ven phá Phú Diên tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	65				6,5	624	156.000	624	156.000	1.092	2023-2030
48	Khu dân cư kết hợp du lịch sinh thái đầm Hà Trung tại xã Phú Xuân và thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	619				150	8.333	4.783.124	8.333	4.783.124	32.000	2023-2030
49	Khu dân cư sinh thái Phú Lương tại xã Phú Lương, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	300				90	5.400	1.620.000	5.400	1.620.000	11.340	2023-2030
50	Khu đô thị du lịch chữa bệnh khu vực Mỹ An tại xã Phú Mỹ, Phú An, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	185				9,5	570	114.000	570	114.000	798	2023-2030
51	Khu phức hợp đô thị, du lịch nghỉ dưỡng Khu D, Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	165				16,5	1.485	297.000	1.485	297.000	2.079	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
52	Khu dân cư, du lịch nghỉ dưỡng Phú Hồ 3 tại xã Phú Hồ, Phú Lương, Phú Xuân, Phú Mỹ, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	1.495				299	15.377	5.382.000	15.377	5.382.000	37.674	2023-2030
53	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và đô thị biển Vinh Xuân tại xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	90				9	648	162.000	648	162.000	1.134	2023-2030
V	HUYỆN QUẢNG ĐIỀN												
54	Khu phức hợp đô thị, nghỉ dưỡng Quảng Ngạn tại xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	110				55	1.100	77.000	1.100	77.000	2.200	2023-2030
55	Khu phức hợp đô thị-nghỉ dưỡng Hải Dương, Quảng Công tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền và xã Hải Dương, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	90				27	1.620	486.000	1.620	486.000	3.402	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
56	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và khu dân cư An Lộc tại thôn An Lộc, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	157				78	1.560	109.200	1.560	109.200	3.120	2023-2030
57	Khu dân cư kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Hải Thành tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	140				14	1.344	336.000	1.344	336.000	2.352	2023-2030
58	Khu dân cư kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Hải Thành 2 tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	110				55	1.100	77.000	1.100	77.000	2.200	2023-2030
59	Khu ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Cương Gián tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	40				20	400	28.000	400	28.000	800	2023-2030
60	Khu ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	25				12	240	16.800	240	16.800	480	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
61	Khu ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	65				32	640	44.800	640	44.800	1.280	2023-2030
62	Dự án Khu đô thị kết hợp dịch vụ du lịch trung tâm huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	132	5	3.000	210.000	15	300	90.000	3.300	270.000	480.000	2023-2030
63	Khu dân cư xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền	Đang kêu gọi đầu tư	10				6	432	108.000	432	108.000	756	2023-2030
VII	HUYỆN PHONG ĐIỀN												
64	Khu đô thị nhà ở và thương mại dịch vụ ven phá Tam Giang, Xã Điền Hải, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	27				13,5	675	540.000	675	540.000	1.890	2022-2030
65	Khu dân cư – thương mại khu vực nhà làm việc UBND huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch cũ, Phòng Tài nguyên – Môi trường hiện tại thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	0,74				0,52	26	20.800	26	20.800	73	2025-2030
66	Khu dân cư – thương mại khu vực nhà làm việc UBMTTQ huyện hiện tại thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	0,93				0,65	32	26.000	32	26.000	91	2025-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
67	Khu nhà ở sinh thái khu vực Ngũ Hồ tại xã Phong Chương và xã Phong Bình, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	50				10	450	90.000	450	90.000	630	2022-2030
68	Khu đô thị du lịch nước khoáng nóng và sân golf Thanh Tân tại xã Phong Sơn, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	700				7	630	126.000	630	126.000	882	2025-2030
69	Khu ở kết hợp vui chơi giải trí đa năng và sân Golf cao cấp Phong Hiền tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	400				4,8	346	86.400	346	86.400	605	2025-2030
70	Khu đô thị du lịch ven biển Điền Lộc tại xã Điền Lộc, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	150				15	1.080	270.000	1.080	270.000	1.890	2025-2030
71	Khu nghỉ dưỡng 05 sao và sân golf Điền Hòa tại xã Điền Hòa, huyện Phong Điền (khoảng 10ha đất ở)	Đang kêu gọi đầu tư	420				3	480	72.000	480	72.000	504	2024-2030
72	Khu dân cư nông thôn mới Điền Hoà 1, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	20				1,447	268	74.293	268	74.293	527	2024-2030
73	Khu dân cư nông thôn mới Điền Hoà 2, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	17				5,032	839	100.681	839	100.681	704	2024-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH dự kiến khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
74	Khu dân cư nông thôn mới Điện Hương, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	20				5,92	987	118.441	987	118.441	829	2024-2030
VIII	HUYỆN PHÚ LỘC												
75	Dự án tại khu vực Hồ Truồi, xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi	79,3				15	250	100.000	250	100.000	1.000	2023-2030
76	Dự án tại khu vực Lộc Bình – núi Quện, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi	99,5				40	700	350.000	700	350.000	40.000	2025-2030

Ghi chú: Tên dự án, diện tích đất quy hoạch dự kiến và các thông số dự án tạm tính theo các quy hoạch đã được phê duyệt; quá trình kêu gọi đầu tư nếu tên, diện tích đất quy hoạch dự kiến và các thông tin dự án có thay đổi sẽ được cập nhật vào kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm. Đối với các dự án chưa có quy hoạch phân khu thì tạm tính các thông số theo quy hoạch chung, sau khi quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết được phê duyệt, sẽ cập nhật tên, diện tích đất quy hoạch dự kiến dự án và các thông tin liên quan đến dự án vào Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm.

- Đối với một số dự án tại các đô thị loại III trở lên chưa xác định được cơ cấu sử dụng đất của dự án nên chưa xác định được quỹ đất 20% để phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị; trước khi thực hiện thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư dự án sẽ xác định cụ thể quỹ đất 20% này đảm bảo theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ và sẽ được cập nhật vào kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm.

- Đối với danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt vẫn tiếp tục kêu gọi đầu tư và được bổ sung vào Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 để kêu gọi đầu tư.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG DỰ ÁN NHÀ Ở ĐỂ PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ VÀO VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Loại nhà ở (thấp tầng hoặc cao tầng)	Dự kiến thời gian bố trí tái định cư	Ghi chú
I	THÀNH PHỐ HUẾ							
1	Khu tái định cư B5 thuộc Hạ tầng khu đô thị mới Thuận An	Thành phố Huế	4,62	180	54.000	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công
2	HTKT khu dân cư Thủy Trường	Thành phố Huế	6,67	250	75.000	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công
3	Khu tái định phường An Tây thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết Đán Nam Giao và vùng phụ cận	Thành phố Huế	6	288	72.000	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
4	Khu TĐC siêu thị khu vực Thuận An	Thành phố Huế	1,16	56	13.920	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
5	HTKT Hồ Văn Đễ khu vực phường Thuận An	Thành phố Huế	3,24	156	38.880	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
6	HTKT khu dân cư tổ 6, phường Trường An, thành phố Huế	Thành phố Huế	3	98	10.700	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
7	Khu dân cư Cao Bá Quát	Thành phố Huế	4,4	211	52.800	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
8	Khu tái định cư Phú Hậu giai đoạn 3 (đợt 2)	Thành phố Huế	1,4	67	16.800	Thấp tầng	2023-2025	Đầu tư công
II	KHU VỰC KINH TẾ CHÂN MÂY-LĂNG CÔ							
9	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC phía Bắc cầu Bù Lu	Ban QLKKTCN tỉnh	20	800	72.000	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Loại nhà ở (thấp tầng hoặc cao tầng)	Dự kiến thời gian bố trí tái định cư	Ghi chú
10	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC phía Nam cầu Bù Lu	Ban QLKKTCN tỉnh	20	800	72.000	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công
11	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC Bình An	Ban QLKKTCN tỉnh	32,3	1.292	116.280	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công
12	Dự án mở rộng khu tái định cư Lộc Tiến (GDD)	Ban QLKKTCN tỉnh	17,5	520	63.200	Thấp tầng	2023-2030	Đầu tư công

Ghi chú: Đối với danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt vẫn tiếp tục kêu gọi đầu tư và được bổ sung vào Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 để kêu gọi đầu tư.

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN HOẶC HỦY BỎ DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
I	THÀNH PHỐ HUẾ												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												
1	Khu đô thị phía Bắc phường Hương Long, Kim Long, Hương An, An Hòa, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	418	30	1.200	84.000	120	4.100	1.200.000	5.300	1.284.000	10.272	2023-2030
2	Khu đô thị biên Thuận An tại phường Thuận An, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	15	1	40	5.000	4	230	57.000	270	62.000	496	2023-2030
3	Khu đô thị sinh thái ven sông Bồ Lợi tại xã Phú Dương, phường Phú Thượng, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	49	4	160	20.000	12	690	138.000	850	158.000	1.264	2023-2030
4	Dự án khu đô thị sinh thái Phú Mậu (Khu đô thị sinh thái Thanh Tiên) tại xã Phú Mậu, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	150	12	420	60.000	36	2.000	500.000	2.420	560.000	4.480	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
5	Khu đô thị Sur Vạn Hạnh tại phường Hương Long, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	25,5				10,2	979	244.800	979	244.800	1.958	2023
6	Dự án khu ký túc xá sinh viên Đại học Huế tại phường An Tây và phường An Cựu, TP Huế	Đang chuẩn bị kêu gọi đầu tư	0,83	0,33	350	33.147				350	33.147	232	2023-2030
7	Khu phức hợp đô thị quốc tế Hùng Vương	Đang kêu gọi đầu tư	6,8				2,3	230	64.400	230	64.400	451	2023-2030
8	Dự án Khu dân cư phía Bắc An Hòa-Hương Sơ-Hương Vinh-Hương Toàn	Đang kêu gọi đầu tư	183	18,4	6.180	662.400	36,7	2.055	888.000	8.235	1.550.400	10.853	2023-2030
9	Dự án Khu dân cư Hương An tại phường An Hòa, phường Hương long, thành phố Huế và phường Hương An, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	45,10	1,65	1.800	247.500	16,50	880	528.000	2.680	775.500	3.500,00	2022-2030
10	Khu dân cư mới dọc đường Hồ Quý Ly nối dài, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	20,00				12,00	600	360.000	600	360.000	1.100,00	2022-2025

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
11	Khu đô thị, dịch vụ thương mại kết hợp khu công nghệ thông tin thuộc Khu A - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	3,22	0,18	420	20.428	0,57	238	32.305	658	52.733	800,00	2023-2026
12	Khu đô thị kết hợp hồ cảnh quan sinh thái Bàu Vá, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	20,00										2023-2030
13	Dự án cải tạo, xây dựng lại các dãy nhà A, B, C khu chung cư Đồng Đa, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Liên danh Công ty CP Đầu tư NNP, Công ty TNHH MTV Hoàng Thành ARC và Công ty CP Đầu tư CDC Nha Trang	0,866	0,473	1.100	119.075				1.100	119.075	1.300,00	2022-2026
14	Tổ hợp nhà ở, thương mại - dịch vụ và vui chơi giải trí An Đông	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Song Lộc	22,75	0,78	309	51.430	3,32	301	152.266	610	203.696	1.616,16	2022-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
15	Dự án Khu dân cư đô thị tại phường Hương Vinh, thành phố Huế	Liên danh Công ty TNHH Phúc Thịnh và Công ty TNHH Tân Bảo Thành	8,28				3,81	283	119.768	283	119.768	243	2022-2026
16	Nhà ở xã hội tại khu đất CC10, OCC11 Khu quy hoạch khu dân cư phía Bắc phường Hương Sơ, phường An Hòa, TP Huế	Đang kêu gọi đầu tư	4,04	0,74	800	66.420	0,81	50	19.409	850	85.829	945,00	2023
17	Nhà ở xã hội tại Khu tái định cư Bàu Vá, phường Thủy Xuân, TP Huế	Đang kêu gọi đầu tư	0,86	0,34	400	30.960				400	30.960	274,00	2023
18	Dự án Khu dân cư tại đường Đào Tấn và Trần Thái Tông, phường Trường An, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư	0,63				0,48	72	22.187	72	22.187	80,00	2023
19	Nhà ở xã hội tại Khu đất XH1 thuộc Khu E, khu đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	3,81	1,33	2.100	199.000				2.100	199.000	1.252,00	2023
20	Nhà ở xã hội tại Khu đất XH1 thuộc Khu B, khu đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	1,86	0,74	1.400	133.600				1.400	133.600	927,00	2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến	
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)			
2	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, không có vị trí cụ thể, không khả thi.....													
21	Khu đô thị kết hợp du lịch sinh thái Long Thọ, thành phố Huế	Đang kêu gọi đầu tư												Lý do: do trùng tên và địa điểm dự án Khu đô thị sinh thái Thanh Trà Thủy Biều
II	THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ													
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...													
22	Dự án Khu dân cư Tú Hạ-Hương Văn, thị xã Hương Trà	Liên danh Công ty CP Đất Xanh Miền Trung và Công ty CP Tập Đoàn Đất Xanh	11,9				5,49	337	139.543	337	139.543	592	2022-2026	
23	Dự án Khu dân cư phía Tây Nam Quốc lộ 1A - Khu A, tại phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	5,48				2,068	106	40.294,50	106,00	40.294,5	482,50	2023-2030	

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
24	Dự án Khu dân cư phía Tây Nam Quốc lộ 1A - Khu B, tại phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	14,00				3,63	259	82.133,34	259,00	82.133,3	876,43	2023
25	Dự án Khu dân cư đô thị tại phường Hương Văn, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	8,90 (19,6)				4,45	300	178.000	300	178.000	450,00	2023-2025
26	Dự án khu dân cư TDP 4 phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà	Đang kêu gọi đầu tư	5,70				3,71	250	148.400	250	148.400	550,00	2023-2025
III	THỊ XÃ HƯƠNG THỦY												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												
27	Khu đô thị Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	39	5,03	1.207	90.558	11,74	528	190.172	1.736	280.730	3.930	2023-2030
28	Khu đô thị sinh thái Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	154,7	2,19	2.000	175.500	21,8	2.200	856.000	4.200	1.031.500		2023

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
29	Khu đô thị sinh thái tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy (thuộc Khu đô thị sinh thái Thanh Toàn)	Đang kêu gọi đầu tư	61	2,32	525	78.750	21,61	820	393.600	1.345	472.350	6700	2023-2030
30	Dự án khu vực thuộc Khu đô thị sinh thái Thanh Toàn, xã Thủy Thanh	Đang kêu gọi đầu tư	160	6,24	1.498	112.320	48,16	2.167	780.192	3.665	892.512	2.500	2023-2030
31	Dự án Khu đô thị nhà ở xã hội tập trung tại Khu đô thị sinh thái Thanh Toàn, phường Thủy Dương	Đang kêu gọi đầu tư	27,5	6,83	2.872	267.096	4,88	657	82.125	3.529	349.221	500	2023-2030
32	Dự án thiết chế công đoàn tại phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	4,97	0,62	284	22.320				284	22.320	250	2023-2030
33	Dự án Khu giáo dục đào tạo kết hợp Khu nhà ở và các thiết chế phục vụ công nhân Khu công nghiệp phú Bài	Đang kêu gọi đầu tư	24,00				9,60	768	230.400	768	230.400	900,00	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
34	Dự án khu phức hợp đô thị du lịch thuộc Quy hoạch phân khu Khu quần thể sân golf-Làng du lịch sinh thái phong cảnh Việt Nam tại phường Thủy Dương Thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	120,00				54,00	1.620	972.000	1.620	972.000	4.000,00	2023-2030
35	Dự án Khu dân cư Khu vực 1, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy	Đang kêu gọi đầu tư	11,17				4,64	186	111.401	186	111.401	400,00	2023-2025
36	Khu đô thị cảng hàng không quốc tế Phú Bài	Đang kêu gọi đầu tư	260,00				78,00	2.340	1.404.000	2.340	1.404.000	4.500,00	2023-2030
IV	HUYỆN PHÚ VANG												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												
37	Khu ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinh Xuân tại xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang	Đang kêu gọi đầu tư	173,29				15,39	1.840	552.000	1.840	552.000	3.864	2023-2030
2	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, không có vị trí cụ thể, không khả thi.....												

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến	
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)			
38	Dự án Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng Vinconstec tại xã Phú Thuận, huyện Phú Vang	Đang điều chỉnh quy hoạch	34	Lý do: không có mục đích sở hữu nhà ở lâu dài, đang điều chỉnh quy hoạch với mục đích dự án là du lịch nghỉ dưỡng										
V	HUYỆN QUẢNG ĐIỀN													
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...													
39	Dự án khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Vĩnh, thị trấn Sịa.	Đang kêu gọi đầu tư	21				7,53	705	316.394	705	316.394	900	2023	
40	Khu nhà ở KCN Quảng Vinh	Đang kêu gọi đầu tư	13,00	0,70	513	30.800						200,00	2023-2030	
VII	HUYỆN PHONG ĐIỀN													
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...													
41	Dự án Khu dân cư dịch vụ Khu công nghiệp Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	104				22,63	2.572	678.893	2.572	678.893	4.760	2023-2030	
42	Dự án khu dân cư Thương mại Hạ Cảng, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền	Đang kêu gọi đầu tư	34,9				9,41	710	304.000	710	304.000	950	2023-2030	

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
43	Khu đô thị sinh thái hồ cây Mang, huyện Phong Điền (Dự án Khu đô thị Cama Lakeside Eco Town)	Đang kêu gọi đầu tư	23,00				11,50	575	460.000	575	460.000	1.500,00	2022-2030
44	Nhà ở xã hội tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đang kêu gọi đầu tư	34,2				12,19	1.958	287.392	1.958	287.392	2.100	2023
2	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, không có vị trí cụ thể, không khả thi.....												
45	Khu nhà ở tại khu công nghiệp Phong Điền	Đã điều chỉnh quy hoạch	104	Lý do: đã điều chỉnh quy hoạch Khu dân cư dịch vụ Khu công nghiệp Phong Điền, không còn bố trí quỹ đất nhà ở xã hội									
VIII	HUYỆN PHÚ LỘC												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												
46	Khu dân cư Vinh Hiền tại xã Giang Hải và Vinh Hiền, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	80,8				66	3.300	990.000	3.300	990.000	4.400	2023-2025
47	Khu dân cư kết hợp dịch vụ du lịch, công viên cây xanh Đồng Biền, tổ Dân phố 4, thị trấn Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	17				10	6.800	200.000	6.800	200.000	10.000	2023-2025

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
48	Khu dân cư nông thôn mới Lã Lã, xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	2,54				1,50	75	22.500	75	22.500	110,00	2023
49	Khu dân cư nông thôn mới Hòa An, xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	1,60				0,96	48	14.400	48	14.400	64,00	2023
50	Khu dân cư nông thôn mới Cao Triều, Hòa An, Lộc Bình, huyện Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	8,50				5,10	250	75.000	250	75.000	340,00	2023
2	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, không có vị trí cụ thể, không khả thi.....												
51	Khu nhà ở đô thị trung tâm thị trấn Phú Lộc	Đang kêu gọi đầu tư	4,4	Lý do hủy: quy mô nhỏ lẻ, không còn phù hợp điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Lộc đang lập									
52	Khu nhà ở đô thị kết hợp công viên cây xanh xã Lộc Trì	Đang kêu gọi đầu tư	6										
53	Khu dân cư đô thị tại xã Vinh Hiền	Đang kêu gọi đầu tư	5,5										
IX	KHU VỰC KINH TẾ CHÂN MÂY-LÃNG CÔ												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
54	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc khu đô thị Chân Mây vị trí 8)	Đang kêu gọi đầu tư	1,8	0,9	643	45.000				643	45.000	225	2023
55	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT1)	Đang kêu gọi đầu tư	0,94	0,47	336	23.500				336	23.500	118	2023-2030
56	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT2)	Đang kêu gọi đầu tư	2,05	1,03	732	51.250				732	51.250	256	2023-2030
57	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT3)	Đang kêu gọi đầu tư	1,84	0,92	657	46.000				657	46.000	230	2023
58	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT4)	Đang kêu gọi đầu tư	0,75	0,38	268	18.750				268	18.750	94	2023-2030
59	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT5)	Đang kêu gọi đầu tư	1,56	0,78	559	39.100				559	39.100	196	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
60	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT6)	Đang kêu gọi đầu tư	1,09	0,55	389	27.250				389	27.250	136	2023
61	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT7)	Đang kêu gọi đầu tư	4,72	2,36	1.685	117.968				1.685	117.968	590	2023-2030
62	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT8)	Đang kêu gọi đầu tư	1,61	0,8	575	40.220				575	40.220	201	2023-2030
63	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT9)	Đang kêu gọi đầu tư	1,88	0,94	671	46.975				671	46.975	235	2023-2030
64	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT10)	Đang kêu gọi đầu tư	1,67	0,84	596	41.750				596	41.750	209	2023-2030
65	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT11)	Đang kêu gọi đầu tư	5,14	2,57	1.836	128.500				1.836	128.500	643	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
66	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT12)	Đang kêu gọi đầu tư	2,49	1,25	889	62.250				889	62.250	311	2023-2030
67	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT13)	Đang kêu gọi đầu tư	0,79	0,39	281	19.650				281	19.650	98	2023-2030
68	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT14)	Đang kêu gọi đầu tư	0,81	0,41	289	20.250				289	20.250	101	2023-2030
69	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT15)	Đang kêu gọi đầu tư	2,25	1,13	804	56.250				804	56.250	281	2023-2030
70	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT16)	Đang kêu gọi đầu tư	0,68	0,34	243	17.000				243	17.000	85	2023-2030
71	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT17)	Đang kêu gọi đầu tư	2,54	1,27	907	63.500				907	63.500	318	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
72	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT18)	Đang kêu gọi đầu tư	2,11	1,06	754	52.750				754	52.750	264	2023-2030
73	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT19)	Đang kêu gọi đầu tư	6,78	3,39	2.421	169.500				2.421	169.500	848	2023-2030
74	Dự án Nhà ở xã hội tại Chân Mây (thuộc Khu đô thị Chân Mây VT20)	Đang kêu gọi đầu tư	0,91	0,46	325	22.750				325	22.750	114	2023-2030
75	Dự án Khu đô thị Chân Mây (Vị trí 1)	Đang kêu gọi đầu tư	35,00				17,50	1.458	4.375	1.458	4.375	1.050,00	2023
76	Dự án Khu đô thị Chân Mây (Vị trí 4)	Đang kêu gọi đầu tư	71,00				35,50	2.958	8.875	2.958	8.875	2.130,00	2023
77	Dự án Khu đô thị Chân Mây (Vị trí 5)	Đang kêu gọi đầu tư	26,27				13,14	1.095	3.284	1.095	3.284	780,00	2023
78	Dự án Khu đô thị Chân Mây (Vị trí 7)	Đang kêu gọi đầu tư	44,60				22,30	1.858	5.575	1.858	5.575	1.320,00	2023
79	Dự án Khu đô thị Chân Mây (Vị trí 6)	Đang kêu gọi đầu tư	68,80				34,40	2.867	8.600	2.867	8.600	2.040,00	2023
X	KHU VỰC AN VÂN DƯƠNG												
1	Danh mục dự án đã có trong Kế hoạch phát triển nhà ở đề xuất sửa đổi tên, quy mô, số căn hộ, diện tích sàn, tổng mức đầu tư...												

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
80	Nhà ở xã hội tại Quỹ đất 20% từ dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An	Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Công	1,66	0,66	832	59.400				832	59.400	450	2022-2030
81	Nhà ở xã hội tại Quỹ đất 20% dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2	Liên danh Công ty Cổ phần Cotana - Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN	3,52	1,38	1.206	103.131				1.206	103.131	830	2021-2025

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
82	Nhà ở xã hội tại Quỹ đất 20% từ dự án Tổ hợp thương mại kết hợp nhà ở gồm các khu đất có ký hiệu OTM4, OTM6, LK16, LK17, CC12, CX2 tại nút giao vòng xuyên Võ Nguyên Giáp - Tổ Hữu	Đã có kết quả mời quan tâm	2,47	0,99	968	69.160				968	69.160	750	2023-2030
83	Nhà ở xã hội tại Quỹ đất 20% từ Dự án Tổ hợp nhà ở, thương mại - dịch vụ và vui chơi giải trí An Đông	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Song Lộc	1,18	0,73	720	51.429				720	51.429	444	2022-2030
84	Tổ hợp thương mại kết hợp nhà ở gồm các khu đất có ký hiệu OTM4, OTM6, LK16, LK17, CC12, CX2 tại nút giao vòng xuyên Võ Nguyên Giáp - Tổ Hữu	Đã có kết quả mời quan tâm	18,26	7,8	2.753	320.383	4	360	160.000	3.110	480.383	4.280,02	2023-2030

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
85	Dự án Khu đô thị mới An Cựu tại phường An Đông, thành phố Huế	Công ty Cổ phần Đầu tư IMG Huế	32,33	0,75	754	193.580	8,34	750	82.500	1.504	276.080	299	2023
86	Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2 tại phường Thủy Vân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Liên danh Công ty Cổ phần Cotana - Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN	44,65	1,38	1.208	103.131	9,45	827	381.070	2.242	484.201	1.122,00	2018-2026
87	Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương	Liên danh CTCP Tập đoàn IUC - CTCP Xây dựng số 3	24,27	1,66	832	59.400	6,64	430	245.459	1.262	304.859	1.798,11	2023-2028
77	Khu ở - Thương mại OTM3 và khu công viên vui chơi giải trí CX3 thuộc Khu A - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	22,31	1,52	7.008	234.000	1,24	859	69.912	7.868	303.912	4.649,00	2022-2026
78	Khu đô thị hai bên đường Chợ Mai - Tân Mỹ thuộc Khu C - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	49,50	1,45	2.884	73.008	10,82	4.140	404.682	7.024	477.690	3.766,00	2022-2026

Stt	Tên, địa điểm, công trình, dự án	Chủ đầu tư	Diện tích đất QH khoảng (ha)	Nhà chung cư			Nhà liền kề, biệt thự			Tổng cộng		Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện dự kiến
				Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Diện tích XD khoảng (ha)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)	Căn hộ dự kiến (căn hộ)	Diện tích sàn dự kiến (m ²)		
79	Khu đô thị phía Nam sông Như Ý thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	48,82	3,34	1.500	141.120	13,30	842	532.000	1.734	639.000	4.500,00	2022-2026
80	Khu đô thị phía Bắc sông Như Ý thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	9,93	0,60	272	21.600	3,35	335	167.445	607	189.045	851,00	2022-2026
81	Khu dân cư Thủy Vân thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương	Đang kêu gọi đầu tư	9,96	0	0	0	3,35	335	167.445	335	167.445	916,00	2023-2030